

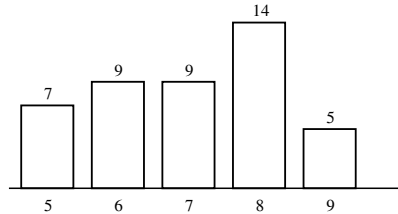
D. 4

Câu 10: Giá trị của $\lim_{x \rightarrow 1} (x^3 - 1)/(x - 1)$ bằng:

- A. 2
B. 3
C. 1
D. 0

Câu 11: Biểu đồ bên thống kê điểm kiểm tra của một lớp. Tổng số học sinh của lớp là:

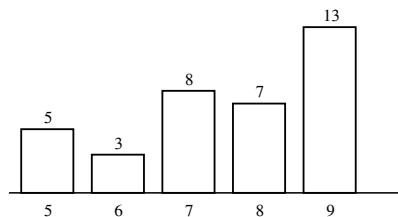
Số HS



- A. 44
B. 48
C. 38
D. 46

Câu 12: Biểu đồ bên thống kê điểm kiểm tra của một lớp. Điểm số có nhiều học sinh đạt nhất là:

Số HS



- A. 5
B. 6
C. 9
D. 7

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình thang với AB song song CD và $AB > CD$.

- a) Giao tuyến của hai mặt phẳng (SAB) và (SCD) là đường thẳng SC .
b) Đường thẳng CD song song với mặt phẳng (SAB) .
c) Giao tuyến của hai mặt phẳng (SAD) và (SBC) là đường thẳng đi qua điểm S .
d) Hai đường thẳng SA và BC song song.

Câu 2: Cho hàm số $y = 4\sin(x) + 4$.

- a) Giá trị lớn nhất của hàm số bằng 0.
b) Giá trị nhỏ nhất của hàm số bằng 0.
c) Tập giá trị của hàm số là $[0; 8]$.
d) Hàm số $y = \sin(x)$ tuần hoàn với chu kỳ 2π .

Câu 3: Cho cấp số cộng (u_n) có $u_1 = 4$ và công sai $d = 5$.

- a) Công sai của cấp số cộng bằng 6.
- b) Số hạng $u_2 = 9$.
- c) Số hạng $u_5 = 24$.
- d) Tổng 5 số hạng đầu $S_5 = 75$.

Câu 4: Cho hàm số $f(x) = (x^2 - 16)/(x - 4)$ khi $x \neq 4$ và $f(4) = m$ (m là tham số).

- a) Khi $x \neq 4$, ta có $f(x) = x + 4$.
- b) $\lim_{x \rightarrow 4} f(x) = 4$.
- c) Hàm số liên tục tại $x = 4$ khi và chỉ khi $m = 4$.
- d) Nếu $m = 0$ thì hàm số liên tục tại $x = 4$.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Cho cấp số nhân (u_n) có số hạng đầu $u_1 = 5$ và công bội $q = 2$. Tính số hạng thứ 6. Trả lời:

Câu 2: Tính tổng của cấp số nhân lùi vô hạn $S = 24 + 24 \cdot (1/4) + 24 \cdot (1/4)^2 + \dots$ (số hạng đầu $u_1 = 24$, công bội $q = 1/4$). Trả lời:

Câu 3: Cho cấp số cộng (u_n) có số hạng đầu $u_1 = 9$ và công sai $d = 6$. Tính tổng 15 số hạng đầu tiên của cấp số cộng đó. Trả lời:

Câu 4: Khảo sát thời gian (phút) tự học mỗi ngày của một nhóm, thu được mẫu số liệu ghép nhóm: nhóm $[0;20)$ có 10 giá trị; $[20;40)$ có 11; $[40;60)$ có 8; $[60;80)$ có 12. Tính số trung bình của mẫu (làm tròn đến hàng phần chục). Trả lời:

Câu 5: Một hình hộp chữ nhật có ba kích thước 4, 7, 4. Tính độ dài đường chéo (làm tròn đến hàng phần mười). Trả lời:

Câu 6: Tìm giá trị lớn nhất của hàm số $y = 6 \cdot \sin(x) + 8 \cdot \cos(x) + 2$. Trả lời:

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

**ĐÁP ÁN THAM KHẢO — Đề thi thử khảo sát chất lượng môn Toán lớp 11
(Đợt 2) — Đề số 10**

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	A	D	B	C	C	A	A	D	B	A	C

Phần II. Đúng / Sai

Câu	a)	b)	c)	d)
1	S	Đ	Đ	S
2	S	Đ	Đ	Đ
3	S	Đ	Đ	S
4	Đ	S	S	S

Phần III. Trả lời ngắn

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	160	32	765	40,7	9	12

* Lời giải chi tiết từng câu chỉ hiển thị sau khi mở khoá đáp án của đề (hoặc mua trọn bộ).